

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO LUẬT QUỐC TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ: TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Ngôn Chu Hoàng¹, Lê Lan Anh¹, Trần Hồng Ngọc¹,
Nguyễn Thị Thu Hà¹, Vũ Thị Thúy¹
Email: hoangnc@hou.edu.vn*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1041

Tóm tắt: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số không còn là một lựa chọn mà đã trở thành xu thế tất yếu, tác động sâu rộng và làm thay đổi căn bản cấu trúc của mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có giáo dục đại học và thực hành pháp luật. Bài viết này tập trung nghiên cứu thực trạng Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân ngành Luật Quốc tế tại Trường Đại học Mở Hà Nội dựa trên Khung chương trình đào tạo 120 tín chỉ hiện hành. Thông qua việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, phân tích tài liệu, so sánh luật học và đối sánh với các tiêu chuẩn đào tạo quốc tế, nghiên cứu đề xuất một hệ thống các giải pháp toàn diện nhằm cập nhật, bổ sung và tái cấu trúc nội dung giảng dạy. Trọng tâm của nghiên cứu hướng vào việc tích hợp các vấn đề pháp lý mới phát sinh từ không gian số như chủ quyền số, thương mại điện tử xuyên biên giới, giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) và trí tuệ nhân tạo (AI) vào các nhóm học phần trụ cột (Công pháp, Tư pháp, Thương mại quốc tế) và các học phần kỹ năng. Kết quả nghiên cứu nhằm mục đích đảm bảo tính thời đại của chương trình đào tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh của sinh viên tốt nghiệp, và đáp ứng chuẩn đầu ra về khả năng giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: luật quốc tế, chuyển đổi số, chương trình đào tạo, thương mại số, LegalTech

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Sự bùng nổ của công nghệ thông tin và sự lan tỏa của mạng Internet toàn cầu đã tạo ra không gian mạng, một không gian sinh tồn mới cho nhân loại. Sự dịch chuyển này kéo theo sự thay đổi về chất của các quan hệ xã hội, từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, quốc phòng. Trong lĩnh vực pháp lý, đặc biệt là luật quốc tế, những thách thức đặt ra là chưa từng có tiền lệ.

Đối với Trường Đại học Mở Hà Nội, một cơ sở giáo dục đại học công lập với sứ mạng “Mở cơ hội học tập cho mọi người với chất lượng tốt... phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế”, việc đào tạo nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà còn là trách nhiệm xã hội. Ngành Luật Quốc tế (Mã ngành 7380108) của Nhà trường được thiết kế để đào tạo những cử nhân có khả năng làm việc trong môi trường hội nhập, giải quyết các tranh chấp quốc tế và tư vấn pháp lý cho các doanh nghiệp, tổ chức (Nguyen, 2025). Tuy nhiên, trước sự vận động nhanh chóng của kỷ nguyên số, chương trình đào tạo nếu không được cập nhật kịp thời sẽ đứng trước nguy cơ lạc hậu, tạo ra “khoảng hụt” lớn giữa kiến thức nhà trường và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Thực tiễn cho thấy, sinh viên ngành luật hiện nay không chỉ cần nắm vững các công ước quốc tế kinh điển mà còn phải hiểu về cách thức luật pháp điều chỉnh các hành vi trên không gian mạng (Ziercke & cộng sự, 2020).

Từ những yêu cầu cấp thiết đó, nghiên cứu này phân tích đánh giá cấu trúc chương trình hiện tại và đề xuất các phương án cải tiến cụ thể cho từng học phần, nhằm nâng cao năng lực tư duy pháp lý của người học trong bối cảnh mới.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Chuyển đổi số và tác động đến khoa học pháp lý quốc tế

Chuyển đổi số trong lĩnh vực pháp lý không đơn thuần là việc số hóa văn bản giấy tờ hay sử dụng phần mềm quản lý. Ở tầng bậc sâu hơn, nó là sự thay đổi về đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của pháp luật. Thứ nhất, sự xuất hiện của các khách thể mới như tài sản số (Digital assets), tiền mã hóa (Cryptocurrencies), các tác phẩm nghệ thuật số (NFTs) là những loại hình tài sản mới chưa được định danh rõ ràng trong nhiều hệ thống pháp luật truyền thống nhưng lại được giao dịch mạnh mẽ trên thị trường quốc tế. Luật quốc tế tư (Tư pháp quốc tế) phải đối mặt với câu hỏi về luật áp dụng cho quyền sở hữu các tài sản này (Zhaksylykbayeva, 2024). Thứ hai, sự thay đổi về chủ thể và phương thức tương tác. Các tổ chức tự trị phi tập trung (DAO - Decentralized Autonomous Organizations) hoạt động dựa trên mã code mà không có trụ sở vật lý hay tư cách pháp nhân theo luật quốc gia truyền thống, tạo ra những “lỗ hổng” trong việc quy kết trách nhiệm pháp lý quốc tế (Santana & Albareda, 2022). Thứ ba, sự thay đổi trong phương thức giải quyết tranh chấp. Sự ra đời của các nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) và việc ứng dụng AI vào hỗ trợ ra phán quyết đang làm thay đổi diện mạo của trọng tài và tòa án quốc tế (Ballesteros & Ávila, 2025).

2.2. Định hướng đào tạo Luật tại Trường Đại học Mở Hà Nội

Theo Quyết định số 3622/QĐ-ĐHM ngày 04 / 10 /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội ban hành Mục tiêu, Chuẩn đầu ra (CĐR) và Khung chương trình đào tạo ngành Luật Quốc tế,

Nhà trường đã xác lập rõ ràng định hướng đào tạo mang tính ứng dụng cao² trong đó có những mục tiêu và chuẩn đầu ra cho thấy tính dự báo và thời sự với ngành Luật quốc tế trong bối cảnh chuyển đổi số. Cụ thể về mục tiêu, ngành luật Quốc tế hướng đến việc đào tạo người học có kiến thức chuyên môn toàn diện về pháp luật quốc tế để giải quyết các vấn đề trong mối liên hệ với thực tiễn chính trị, kinh tế, xã hội. Trong kỷ nguyên số, “thực tiễn” này bao hàm cả thực tiễn số. Và mục tiêu giúp người học có được năng lực đổi mới sáng tạo, thích nghi với môi trường hội nhập và đa văn hóa - khả năng thích nghi này đòi hỏi sự thông thạo không chỉ về ngoại ngữ mà còn về ngôn ngữ công nghệ. Bên cạnh đó là 2 chuẩn đầu ra nổi bật là: Kết hợp và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan đến yếu tố quốc tế trong bối cảnh hội nhập; Lập luận, phản biện, bảo vệ quan điểm chuyên môn.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng kết hợp với các

phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học pháp lý và giáo dục học:

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu Phân tích chi tiết “Khung chương trình đào tạo đại học ngành Luật Quốc tế” (120 tín chỉ) ban hành kèm theo Quyết định 3622/QĐ-ĐHM. Việc phân tích nhằm xác định cấu trúc, tỷ trọng các khối kiến thức, và vị trí của các học phần có tiềm năng tích hợp nội dung số.

Phương pháp so sánh luật học: So sánh nội dung giảng dạy truyền thống với các yêu cầu pháp lý mới trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA) và các văn bản luật quốc tế hiện đại (GDPR của EU, Công ước Liên Hợp Quốc về Sử dụng Chứng từ Điện tử) (Sander, 2024).

Phương pháp tiếp cận hệ thống: Xem xét chương trình đào tạo như một hệ thống chỉnh thể. Việc thay đổi nội dung một học phần (ví dụ: Thương mại quốc tế) được xem xét trong mối liên hệ tương tác với các học phần khác (như Tư pháp quốc tế, Sở hữu trí tuệ) để tránh trùng lặp và đảm bảo tính logic.

² MT1. Có đầy đủ kiến thức chuyên môn toàn diện về pháp luật quốc tế để giải quyết các vấn đề pháp luật trong mối liên hệ với thực tiễn chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

MT2. Có năng lực đổi mới sáng tạo, tự học hiệu quả, tự thích nghi và làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập và đa văn hóa.

MT3. Có đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân.

CĐR1. Vận dụng kiến thức vào việc nhận biết và luận giải các vấn đề về Nhà nước và pháp luật.

CĐR2. Vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn vào việc soạn thảo các văn bản hành chính, văn bản pháp lý.

CĐR3. Giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng trong các môi trường pháp lý. Có khả năng đọc, viết tiếng Anh pháp lý.

CĐR4. Kết hợp và vận dụng các kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan đến yếu tố quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

CĐR5. Có khả năng lập kế hoạch, quản lý và tổ chức hoạt động nhóm đáp ứng mục tiêu học tập, nghiên cứu, thực hiện công việc chuyên môn.

CĐR6. Lập luận, phản biện, bảo vệ quan điểm chuyên môn trong việc phân tích và bình luận về các vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật quốc tế.

CĐR7. Nhận định vấn đề và đưa ra quyết định dựa trên trách nhiệm đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong bối cảnh phát triển hội nhập toàn cầu

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo hiện hành và dự định cho đổi mới

Khung chương trình đào tạo ngành Luật Quốc tế của Trường Đại học Mở Hà Nội bao gồm 120 tín chỉ, được thiết kế cho thời gian đào tạo 04 năm. Cấu trúc chương trình được phân bổ chặt chẽ theo các khối kiến thức.

Bảng 1. Phân bổ khối lượng kiến thức trong CTĐT ngành Luật Quốc tế

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Giáo dục đại cương (GDĐC)	26	21,6%	Bao gồm Tin học đại cương (3TC)
2	Cơ sở khối ngành	55	45,8%	Chứa các học phần nền tảng cốt lõi
3	Chuyên ngành	29	24,2%	Các học phần chuyên sâu và tự chọn
4	Tốt nghiệp	10	8,4%	Khóa luận và thực tập
Tổng		120	100%	

Qua phân tích Bảng 1, có thể thấy khối lượng kiến thức chuyên môn (Cơ sở ngành + Chuyên ngành) chiếm 70% thời lượng, là nền tảng vững chắc để phát triển năng lực nghề nghiệp. Tuy nhiên, rà soát danh mục 77 học phần cụ thể cho thấy sự vắng bóng của các môn học mang tên “Luật và Công nghệ” hay “Luật An ninh mạng”. Học phần “Tin học đại cương” (K1.GDĐC) tuy có trang bị kỹ năng sử dụng máy tính nhưng không đề cập đến khía cạnh pháp lý của công nghệ. Bên cạnh đó theo QĐ số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thì việc trang bị các kỹ năng số và cơ cấu lại các khối kiến thức sẽ là bắt buộc.

Song hành với việc cập nhật khung chương trình (thường mất nhiều thời gian và sẽ có độ trễ khi đưa vào áp dụng có thể là 2-3 năm), giải pháp khả thi và hiệu quả nhất là “làm mới bình cũ” - tức là giữ nguyên tên học phần nhưng cập nhật mạnh mẽ nội dung giảng dạy bên trong. Nghiên cứu tập trung vào 3 lĩnh vực chính cần đổi mới: (1) Nhóm học phần Trụ cột; (2) Nhóm học phần Chuyên ngành và Kỹ năng; và (3) Phương pháp giảng dạy. Tuy

Nguồn: Tổng hợp từ Quyết định 3622/QĐ-ĐHM nhiên, do hạn chế về dung lượng phần (3) xin được đề cập đến trong một nghiên cứu khác.

4.2. Đổi mới nội dung nhóm học phần “Trụ cột” (Cơ sở nhóm ngành)

Nhóm học phần này bao gồm: Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế và Luật Thương mại quốc tế. Đây là “xương sống” kiến thức của ngành, chịu sự tác động trực tiếp nhất từ chuyên đổi số.

4.2.1. Học phần Công pháp quốc tế (Mã HP: 11 - K4.CSNN)

Hiện trạng: Nội dung truyền thống tập trung vào các nguyên tắc cơ bản như bình đẳng chủ quyền, cấm dùng vũ lực, luật biển, luật ngoại giao và lãnh sự.

Phân tích và Đề xuất nội dung mới:

Trong kỷ nguyên số, khái niệm “lãnh thổ” và “chủ quyền” đang bị thách thức nghiêm trọng.

- Chủ quyền số (Digital Sovereignty): Đây là nội dung cốt yếu cần bổ sung. Sinh viên cần được tiếp cận các quan điểm khác nhau về việc mở rộng chủ quyền quốc gia lên không gian mạng (Pohle & Thiel, 2020). Cần phân tích so sánh các mô hình:

+ *Mô hình Châu Âu*: Tập trung vào quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu công dân (GDPR), coi chủ quyền số là khả năng tự quyết về dữ liệu.

+ *Mô hình Trung Quốc/Nga*: Nhấn mạnh vào “chủ quyền không gian mạng” (Cyber Sovereignty) với quyền kiểm soát chặt chẽ cơ sở hạ tầng và nội dung thông tin (Great Firewall).

+ *Mô hình Hoa Kỳ*: Tiếp cận theo hướng tự do hóa dòng chảy dữ liệu và quản trị Internet đa phương (multi-stakeholder). Việc hiểu rõ các mô hình này giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về chính trị - pháp lý quốc tế hiện đại (Chander & Schwartz, 2024).

- Chiến tranh mạng và Luật nhân đạo quốc tế: Các cuộc tấn công mạng (Cyber attacks) vào cơ sở hạ tầng thiết yếu (như lưới điện, hệ thống y tế) đặt ra câu hỏi về việc áp dụng Luật xung đột vũ trang (Jus in bello). Liệu một cuộc tấn công mạng gây thiệt hại vật chất tương đương một cuộc ném bom có được coi là “tấn công vũ trang” theo Điều 51 Hiến chương LHQ để kích hoạt quyền tự vệ hay không? Đây là những vấn đề lý luận mới mẻ, kích thích tư duy phản biện của sinh viên (đáp ứng CDR6).

- Trách nhiệm pháp lý quốc tế: Vấn đề quy kết trách nhiệm (Attribution) trong môi trường số là cực kỳ phức tạp do tính ẩn danh và kỹ thuật giả mạo IP. Bài giảng cần đưa vào các tình huống giả định hoặc án lệ thực tế (như các cáo buộc can thiệp bầu cử) để sinh viên thảo luận về tiêu chuẩn chứng minh trong luật quốc tế.

4.2.2. *Học phần Tư pháp quốc tế (Mã HP: 12 - K4.CSNN)*

Hiện trạng: Tập trung vào giải quyết xung đột pháp luật, xung đột thẩm quyền tòa án và công nhận thi hành án trong

các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài truyền thống.

Phân tích và Đề xuất nội dung mới:

Internet làm lu mờ các yếu tố kết nối truyền thống (như nơi cư trú, nơi có tài sản, nơi thực hiện hợp đồng).

- Thẩm quyền xét xử đối với tranh chấp trực tuyến: Cần thảo luận sâu về các quy tắc xác định thẩm quyền khi các bên tham gia giao dịch ở nhiều quốc gia khác nhau thông qua một nền tảng trung gian (platform).

Ví dụ: Một vụ kiện phỉ báng trên Facebook: Tòa án nơi nguyên đơn cư trú, nơi đặt máy chủ Facebook, hay nơi bài viết được tải lên có thẩm quyền? Phân tích các án lệ như *eDate Advertising v. X* (CJEU) hay vụ việc tại tòa án Việt Nam liên quan đến các nền tảng xuyên biên giới.

- Luật áp dụng cho Hợp đồng thông minh (Smart Contracts) và DAO: Khi hợp đồng là các dòng mã (code) tự động thực thi trên Blockchain và không chịu sự kiểm soát của một quốc gia cụ thể, quy phạm xung đột truyền thống sẽ áp dụng thế nào? Sinh viên cần được giới thiệu về các lý thuyết mới như Lex Cryptographia (Luật mật mã) và khả năng các bên tự do thỏa thuận chọn luật trong môi trường phi tập trung.

- Thực thi phán quyết đối với Tài sản số: Đây là vấn đề thực tiễn nóng bỏng. Làm thế nào để thi hành một bản án dân sự khi tài sản của người phải thi hành án là Bitcoin nằm trong ví lạnh (Cold Wallet) mà chỉ họ mới có khóa riêng (Private Key)? Các cơ chế pháp lý quốc tế hiện tại hỗ trợ điều này ra sao?.

4.2.3. *Học phần Luật Thương mại quốc tế (Mã HP: 13 - K4.CSNN)*

Hiện trạng: Giảng dạy về WTO, các hiệp định thương mại hàng hóa và dịch vụ truyền thống.

Phân tích và Đề xuất nội dung mới:

Thương mại số (Digital Trade) đang trở thành động lực tăng trưởng chính của kinh tế toàn cầu (Bond & cộng sự, 2024).

- Tích hợp các chương Thương mại điện tử trong FTA thế hệ mới: Việt Nam là thành viên của CPTPP, EVFTA, RCEP - các hiệp định này đều có chương riêng về TMĐT (Chen & Rillo, 2024).

+ Cần phân tích các cam kết về: Không đánh thuế hải quan đối với truyền dẫn điện tử (Moratorium on customs duties on electronic transmissions); Công nhận chữ ký số và xác thực điện tử; Bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến.

+ Đặc biệt, vấn đề Dòng dữ liệu xuyên biên giới (Cross-border data flows) và Yêu cầu nội địa hóa dữ liệu (Data Localization) là điểm nóng tranh chấp giữa tự do thương mại và an ninh quốc gia. Sinh viên cần phân tích Điều 14.11 và 14.13 của CPTPP để hiểu rõ sự cân bằng lợi ích này (Burri, 2023).

- Các vấn đề pháp lý mới: Bổ sung kiến thức về rào cản kỹ thuật trong thương mại số (ví dụ: yêu cầu công bố mã nguồn), các quy định về dịch vụ điện toán đám mây và trách nhiệm của các nền tảng trung gian trong thương mại quốc tế (Lovelock, 2020).

4.3. Đối mới nhóm học phần “Chuyên ngành” và “Kỹ năng”

Sự thay đổi không chỉ dừng lại ở các môn lý thuyết nền tảng mà cần đi sâu vào các môn chuyên ngành và kỹ năng thực hành, tuy nhiên nên chú trọng hơn cả vào năng lực thực hành phát hiện vấn đề, kỹ năng phân tích và làm rõ vấn đề, kỹ năng đưa ra nhận định... phân giải quyết và giải quyết tốt vấn đề có thể được xem là vượt lên trên mục tiêu của chương trình đào tạo

đại học. Tất nhiên, nếu người học có thể giải quyết vấn đề ngay từ giai đoạn này thì sẽ là xuất sắc, nhưng nếu không, việc người học sau khi tốt nghiệp sẽ hoàn thiện kỹ năng giải quyết vấn đề từ thực tiễn công việc hay học tại các trường mang tính chất hành nghề cũng sẽ rất phù hợp (tránh việc ôm đồm, đào tạo thay cho các “trường dạy nghề”). Đặc biệt các môn kỹ năng cần thực sự được thiết kế để giúp người học hình thành kỹ năng, tránh lặp lại các kiến thức lý thuyết.

4.3.1. Học phần Trọng tài quốc tế (Mã HP: 58 - K6.CN)

Hiện trạng: 3 tín chỉ, tập trung vào Luật Trọng tài thương mại, quy tắc tố tụng và Công ước New York 1958.

Nội dung tích hợp LegalTech (Wyner, 2020):

- Giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR - Online Dispute Resolution): Giới thiệu sự chuyển dịch từ ADR (Alternative Dispute Resolution) sang ODR. Sinh viên cần hiểu cơ chế vận hành của các nền tảng ODR (ví dụ mô hình của eBay, Alibaba hay các quy tắc ODR của UNCITRAL) (Condlin, 2017).

- Phòng xét xử ảo và E-discovery: Hướng dẫn kỹ năng tham gia các phiên điều trần qua video conference (Virtual Hearings) - một tiêu chuẩn “bình thường mới” sau đại dịch. Các vấn đề về nộp chứng cứ điện tử, bảo mật đường truyền và an ninh dữ liệu trong tố tụng trọng tài cần được chú trọng (Ast, 2019).

- AI trong trọng tài: Thảo luận về viễn cảnh và các vấn đề đạo đức khi sử dụng AI để hỗ trợ phân tích hồ sơ hoặc thậm chí là “Robot Arbitrator” trong các vụ việc tranh chấp nhỏ.

4.3.2. Học phần Luật quốc tế về Sở hữu trí tuệ (Mã HP: 61 - K6.CN)

Hiện trạng: Các công ước Paris, Berne, TRIPS về bản quyền, sáng chế, nhãn hiệu.

Nội dung tích hợp:

- Bản quyền và Trí tuệ nhân tạo: Một trong những chủ đề tranh luận sôi nổi nhất hiện nay. Tác phẩm do AI tạo ra (như tranh vẽ bởi Midjourney, văn bản bởi ChatGPT) có được bảo hộ bản quyền không? Nếu có thì ai là tác giả? Luật pháp Mỹ, EU và Việt Nam tiếp cận vấn đề này như thế nào? (Andrews & cộng sự, 2023).

- Nhãn hiệu và Metaverse: Bảo hộ nhãn hiệu trong môi trường vũ trụ ảo. Việc sử dụng logo của các thương hiệu nổi tiếng dưới dạng NFT (Non-fungible token) có vi phạm luật sở hữu trí tuệ hay không?

- Bảo hộ Dữ liệu lớn (Big Data): Dữ liệu được coi là “dầu mỏ mới”. Cơ chế pháp lý nào để bảo vệ các tập dữ liệu chống lại việc khai thác trái phép, đồng thời vẫn đảm bảo chia sẻ dữ liệu cho nghiên cứu phát triển?.

4.3.3. Học phần Tiếng Anh pháp lý (Mã HP: 41 - K5.CSN)

Hiện trạng: Trang bị từ vựng và kỹ năng đọc hiểu văn bản pháp lý cơ bản.

Đổi mới phương pháp và nội dung:

- Thuật ngữ pháp lý số: Cập nhật hệ thống từ vựng chuyên ngành đang thịnh hành: Cyber-espionage (gián điệp mạng), Encryption (mã hóa), Tokenization (token hóa), Data Subject (chủ thể dữ liệu), Safe Harbor (bến đỗ an toàn)...

- Phân tích Điều khoản dịch vụ (Terms of Service - ToS): Đây là một dạng bài tập thực hành xuất sắc. Các bản ToS của Google, Facebook, TikTok chính là những bản “hợp đồng mẫu” quốc tế không lỗi.

Việc phân tích ToS giúp sinh viên hiểu về cách các tập đoàn công nghệ toàn cầu xây dựng luật chơi riêng (lex mercatoria mới), cách họ quy định về quyền sở hữu dữ liệu người dùng, giới hạn trách nhiệm và chọn luật áp dụng. Đây là cách tiếp cận thực tế nhất để sinh viên hiểu về “Tư pháp quốc tế tư” (private international law).

V. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trước áp lực của quá trình chuyển đổi số và yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, việc đổi mới chương trình đào tạo ngành Luật Quốc tế tại Trường Đại học Mở Hà Nội là một yêu cầu cấp thiết. Cách tiếp cận hiệu quả và bền vững nhất là tích hợp sâu rộng các vấn đề pháp lý của kỷ nguyên số vào nội dung cốt lõi của các học phần trụ cột (Công pháp, Tư pháp, Thương mại quốc tế) và các học phần kỹ năng.

Những nội dung như chủ quyền số, tài sản số, thương mại điện tử xuyên biên giới, ODR và pháp luật về AI không nên được coi là các chuyên đề phụ, mà phải được nhìn nhận là những thành tố cấu thành nên kiến thức pháp lý quốc tế hiện đại (Chesterman, 2020). Việc trang bị những kiến thức này sẽ giúp sinh viên Trường Đại học Mở Hà Nội không chỉ đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng mà còn hình thành được tư duy pháp lý sắc bén, khả năng thích ứng linh hoạt và bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng trong môi trường hội nhập đầy biến động.

5.2. Kiến nghị

Trên cơ sở các phân tích trên, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị cụ thể:

Đối với Giảng viên: Cần chủ động rà soát, cập nhật Đề cương chi tiết học phần (Syllabus). Tích cực tự bồi dưỡng

kiến thức về công nghệ và pháp luật số. Xây dựng kho học liệu số, bài tập tình huống liên quan đến LegalTech và kinh tế số để đưa vào giảng dạy ngay trong các kỳ học tới.

Đối với Khoa chuyên môn: Tổ chức các tọa đàm khoa học định kỳ về “Luật và Công nghệ”, mời các chuyên gia pháp chế từ các doanh nghiệp công nghệ, sàn thương mại điện tử, công ty luật quốc tế tham gia chia sẻ, phản biện chương trình.

Đối với Nhà trường: Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, thư viện số để hỗ trợ việc tra cứu tài liệu pháp luật quốc tế. Xem xét việc ký kết hợp tác với các nền tảng ODR hoặc các công ty cung cấp phần mềm pháp lý để sinh viên có cơ hội thực tập, trải nghiệm công nghệ thực tế.

Về lộ trình dài hạn: Nghiên cứu xây dựng mã ngành hoặc chuyên ngành hẹp về “Luật Kinh tế số” hoặc bổ sung các môn học tự chọn mới như “Pháp luật về An ninh mạng và Dữ liệu”, “Luật và Trí tuệ nhân tạo” trong chu kỳ điều chỉnh chương trình đào tạo tiếp theo (sau 2-3 năm).

Lời cảm ơn: Bài viết này là sự tổng kết những chia sẻ, kinh nghiệm quý báu của các giảng viên đáng kính trong Tổ bộ môn Pháp luật quốc tế. Các tác giả xin gửi lời cảm ơn tới ThS. CVCC. Hoa Hữu Long và TS. Nguyễn Văn Luật nhờ những ý kiến chuyên môn sâu sắc, những chia sẻ tâm huyết, và đặc biệt là những đóng góp của các thầy đối với ngành Luật quốc tế tại Khoa Luật - Trường đại học Mở Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Andrews, C. D., Meredith, M. W., Bloom, C. A., Bieber, C., & Valente, C. J. (2023). *Federal court rules work generated by artificial intelligence alone is not eligible for copyright protection*. <https://www.klgates.com/Federal-Court-Rules-Work-Generated-by-Artificial-Intelligence-Alone-Is-Not-Eligible-for-Copyright-Protection-8-30-2023>.
- [2]. Ast, F. (2019). *Dispute Revolution: The Kleros Handbook of Decentralized Justice*.
- [3]. Ballesteros, M., & Ávila, J. (2025). Online Dispute Resolution Platforms (ODR): A Legal and Technical Perspective. *Law and Business*, 4, 28-38. <https://doi.org/10.2478/law-2024-0006>
- [4]. Bond, D. E., Eglin, R., Sabitha, N. R., & Saccomanno, I. (2024). *WTO extends e commerce tariff moratorium as broader negotiations continue*. <https://www.whitecase.com/insight-alert/wto-extends-e-commerce-tariff-moratorium-broader-negotiations-continue>.
- [5]. Burri, M. (2023). Cross border data flows and privacy in global trade law: Has trade trumped data protection? . *Oxford Review of Economic Policy*, 39(1), 85-97.
- [6]. Chander, A., & Schwartz, P. M. (2024). The president’s authority over cross border data flows. *University of Pennsylvania Law Review*, 172(2), 1989-2052.
- [7]. Chen, L., & Rillo, A. D. (Eds.). (2024). *Further ASEAN-China cooperation for joint prosperity: Envisioning ACFTA 3.0 in the digital era*. Economic Research Institute for ASEAN and East Asia (ERIA).
- [8]. Chesterman, S. (2020). Artificial intelligence and the limits of legal personality. *International & Comparative Law Quarterly*, 69(4), 819-844.
- [9]. Condlin, R. J. (2017). Online dispute resolution: Stinky, repugnant, or drab? . *Cardozo Journal of Conflict Resolution*, 18, 717 - x.

- [10]. Lovelock, P. (2020). *The new generation of “digital” trade agreements: Fit for purpose?* <https://www.pecc.org/state-of-the-region-reports/287-2020-2021/888-chapter-2-the-new-generation-of-digital-trade-agreements-fit-for-purpose>.
- [11]. Nguyen, V. H. (2025). The role of the state in designing the legal environment for digital technology enterprises in Vietnam. *MSI Journal of Arts, Law & Justice*, 2(10), 1-13.
- [12]. Pohle, J., & Thiel, T. (2020). Digital sovereignty. *Internet Policy Review*. *Internet Policy Review*, 9(4), 1-10.
- [13]. Sander, B. (2024). *Digital technology and international law - syllabus*. https://platgov.net/assets/content/syllabi/sander_techandinternationallaw.pdf.
- [14]. Santana, C., & Albareda, L. (2022). Blockchain and the emergence of Decentralized Autonomous Organizations (DAOs): An integrative model and research agenda. *Technological Forecasting and Social Change*, 182, 121806. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.techfore.2022.121806>.
- [15]. Wyner, A. (2020). *LegalTech education - considerations for regulators*. https://www.legalservicesboard.org.uk/wp-content/uploads/2020/07/Topic-6-Final-For-Publication-AW-formatted_v3.pdf.
- [16]. Zhaksylykbayeva, A. (2024). Digital assets in international private law. *Journal of actual problems of jurisprudence*, 111, 146-156. <https://doi.org/10.26577/JAPJ2024-111-i3-016>.
- [17]. Ziercke, E., Hartung, D., & Hohenstatt, K.-S. (2020). What does the digital revolution mean for legal education?. In K. Jacob, D. Schindler, & R. Strathausen (Eds.), *Liquid legal: Towards a common legal platform* (pp. 513-535). Springer.

ENHANCING THE QUALITY OF INTERNATIONAL LAW PROGRAMME AT HANOI OPEN UNIVERSITY IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION: FROM THEORY TO PRACTICAL CURRICULUM REFORM

*Ngon Chu Hoang¹, Le Lan Anh³, Tran Hong Ngoc³,
Nguyen Thi Thu Ha³, Vu Thi Thuy³*

Abstract: *In the context of the Fourth Industrial Revolution, digital transformation has become an inevitable trend that profoundly reshapes higher education and legal practice. This article analyses the current 120-credit undergraduate curriculum in International Law at Hanoi Open University and examines how far it already responds to the demands of the digital age. Using qualitative methods, document analysis and a systems approach, the study identifies the main strengths and gaps in the structure and content of core, specialized and skills-based courses. Particular attention is paid to new legal issues arising from cyberspace, such as digital sovereignty, cross-border data flows, online dispute resolution and artificial intelligence, and to their integration into key subjects (Public International Law, Private International Law, International Trade Law) and professional skills courses. On that basis, the article proposes concrete curricular adjustments and teaching methods that “update the content without breaking the frame”, ensuring the programme’s internal consistency while enhancing its responsiveness to international standards and labour-market needs. The findings aim to improve the quality and competitiveness of International Law graduates from Hanoi Open University and to support the School’s strategic orientation in the context of digital transformation.*

Keywords: *curriculum, digital trade, digital transformation, international law, LegalTech*

¹ Hanoi Open University